

**CÔNG TY CỔ PHẦN JUDITECH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN JUDITECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM JUDITECH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM JUDITECH., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110604371

**3. Ngày thành lập:** 16/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28, tổ 17, ngách 199/18 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968363567

Fax:

Email: [juditechvn@gmail.com](mailto:juditechvn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                         | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                | 4330     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                           | 4511     |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                   | 4512     |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                             | 4513     |
| 7.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                | 4520     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                            | 4530     |
| 9.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                             | 4541     |
| 10. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                           | 4542     |
| 11. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                         | 4543     |
| 12. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ đầu giá hàng hóa) | 4610     |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                            | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                     | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                      | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                  | 4653        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                         | 4659(Chính) |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                               | 8230        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhậu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                 | 8299        |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng<br>đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản                                                                                 | 6820        |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                  | 7710        |
| 22. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                        | 2591        |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                            | 2592        |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                 | 4791        |
| 25. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                            | 4799        |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                    | 4933        |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển                                                                                                       | 7730        |
| 28. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                              | 3312        |
| 29. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                  | 3313        |
| 30. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                  | 3314        |
| 31. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe<br>máy và xe có động cơ khác)                                                                                            | 3315        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                  | 3319        |
| 33. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                 | 3320        |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4741        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4742        |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759        |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Trừ bán lẻ<br>tem và tiền kim khí, vàng, Trừ hoạt động của đấu giá viên) | 4773        |

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CAO XUÂN<br>TUẤN | Đội 4, Thôn 3, Xã<br>Đại Hưng, Huyện<br>Khoái Châu ,<br>Tỉnh Hưng Yên,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000       | 3.000.000.000            | 60,000       | 0330890140<br>94                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 300.000       | 3.000.000.000            | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐÀM CHÍ<br>KIÊN  | 58 Bình Tiên,<br>Phường 03, Quận<br>6, Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       | 0790870051<br>90                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                         |                                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>HOÀNG<br>TUẤN | 48/4/2P, Khu phố<br>3 đường Trung<br>Mỹ Tây, Phường<br>Trung Mỹ Tây,<br>Quận 12, Thành<br>phố Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 0790920135<br>92 |
|   |                         |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                        | Tổng số                            | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO XUÂN TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033089014094

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 4, Thôn 3, Xã Đại Hưng, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 4, Thôn 3, Xã Đại Hưng, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội